

PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG THÔNG TIN

Mô hình và Các phương pháp mô hình hóa

Nội dung chi tiết

- Mô hình (Model)
- Mô hình hóa (Modelling)
- Phương pháp mô hình hóa (Methodology)
- Lịch sử các phương pháp mô hình hóa
- Một số mô hình tiêu biểu

- Là một dạng thể hiện đơn giản hóa của thực tế (Efraim Turban)
- Các đặc điểm
 - ◆ Diễn đạt một mức trừu tượng hóa
 - ◆ Tuân theo một quan điểm
 - ◆ Có một hình thức biểu diễn
 - Văn bản
 - Đồ thị, biểu đồ, sơ đồ

- Mô hình tĩnh

- ◆ Biểu diễn thông số, cấu trúc của hệ thống
 - Dữ liệu, thông tin

- Mô hình động

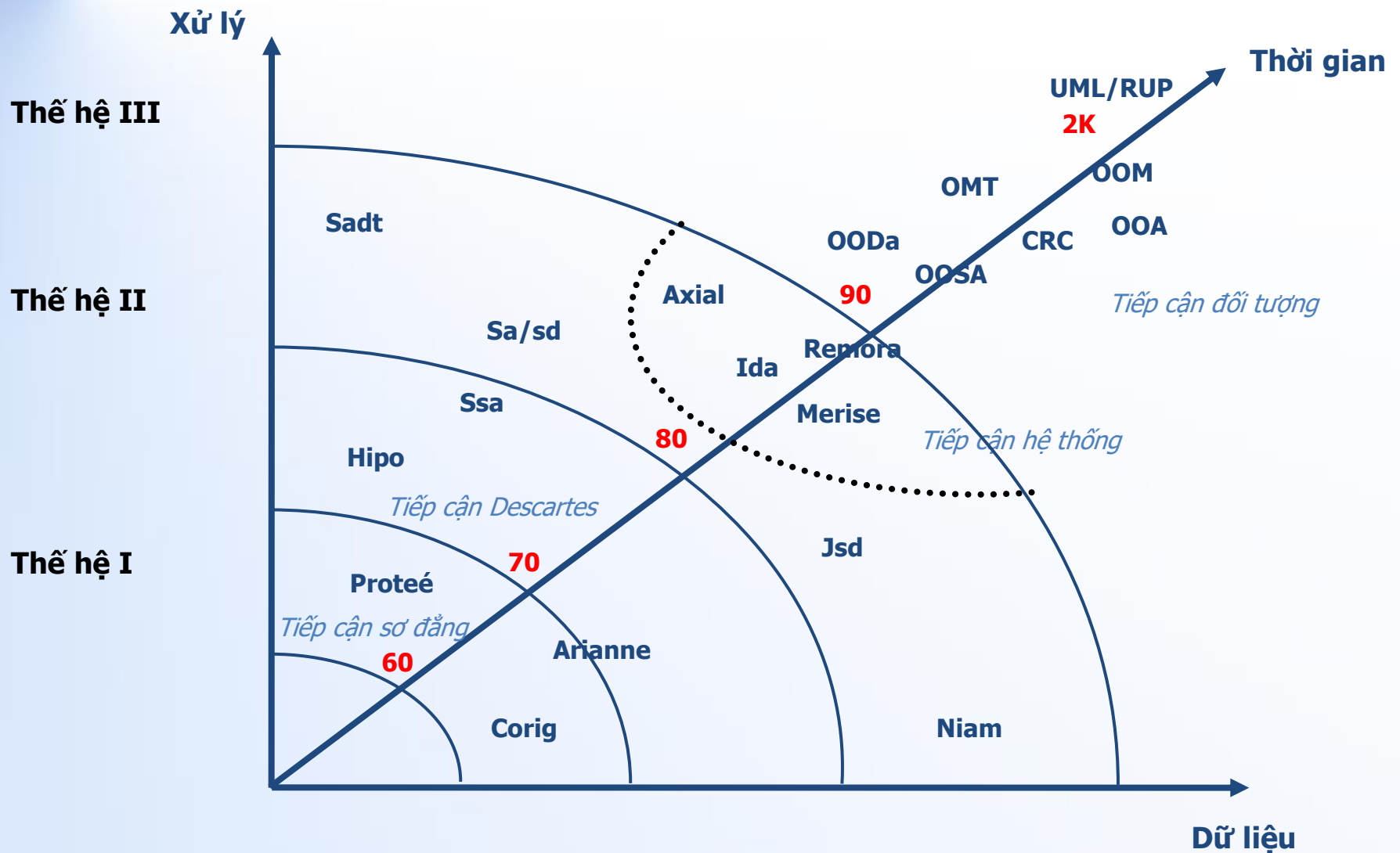
- ◆ Biểu diễn hành vi, thủ tục của hệ thống
 - Sự tương tác giữa các đối tượng

- Biểu diễn thế giới thực sử dụng mô hình
- Mục đích
 - ◆ Làm sáng tỏ vấn đề tiếp cận
 - ◆ Mô phỏng hình ảnh của hệ thống
 - ◆ Làm đơn giản hóa hệ thống
 - ◆ Gia tăng khả năng duy trì hệ thống

Phương pháp mô hình hóa

- Là tập các *các khái niệm, quy tắc, thứ tự thực hiện* khi tin học hóa một HTTT
- Còn gọi là phương pháp phân tích thiết kế
- Thành phần
 - ◆ Tập khái niệm, mô hình
 - ◆ Quy trình triển khai
 - ◆ Công cụ trợ giúp

Lịch sử



■ Thập niên 60

- ◆ Chuẩn hóa các kỹ thuật của các nhà phát triển ứng dụng

■ Thập niên 70

- ◆ Phân rã các chức năng của HTTT theo mô hình phân cấp
 - Chia nhỏ công việc để xử lý
- ◆ Áp dụng phương pháp lập trình cấu trúc và đơn thể

■ Thập niên 80

◆ Tiếp cận toàn diện

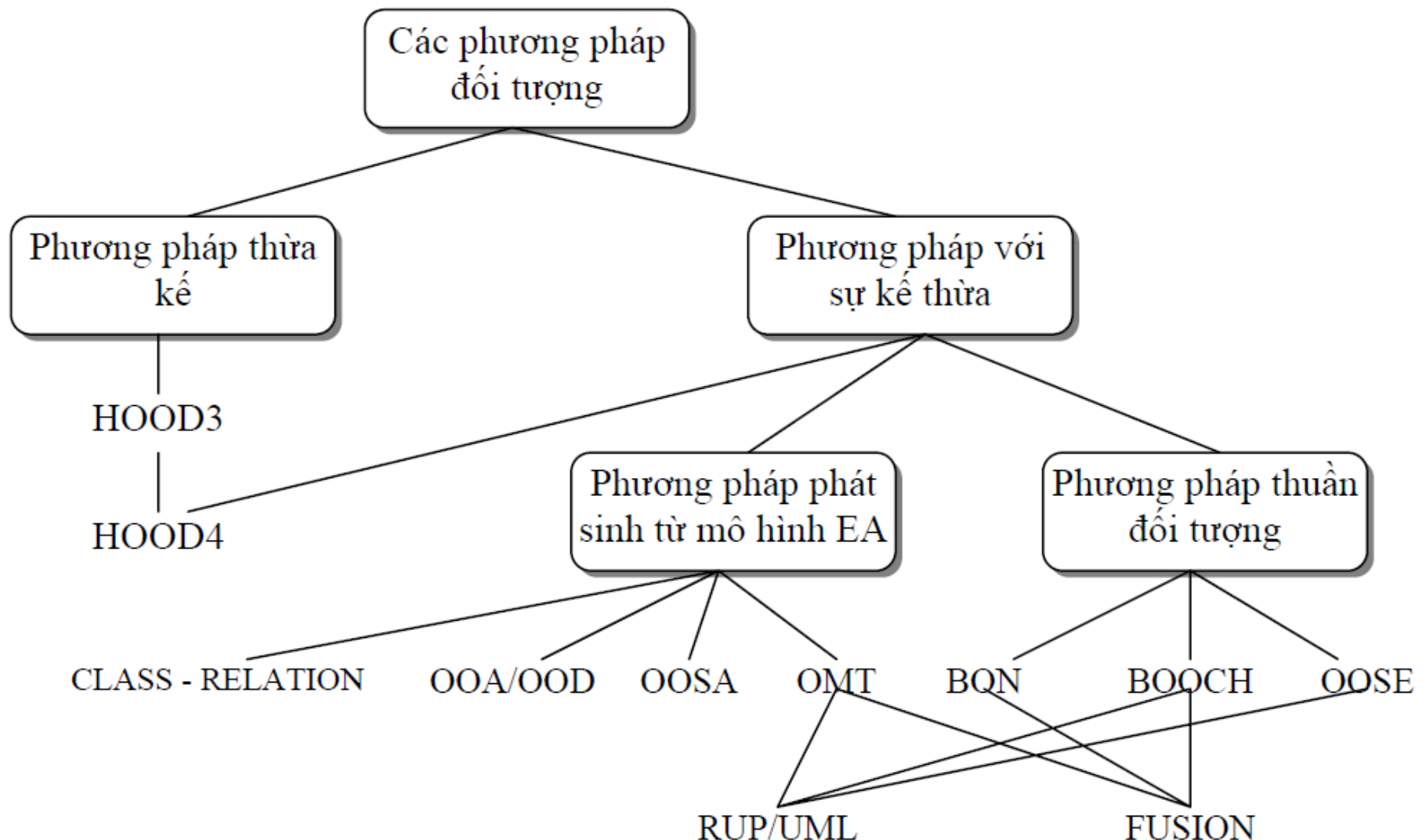
- Dữ liệu, xử lý, biến cố của HTTT
- Phân rã có kết hợp các thành phần con

◆ Có áp dụng HQT CSDL

■ Thập niên 90

◆ Tổng hợp phương pháp ở thập niên 70 và 80

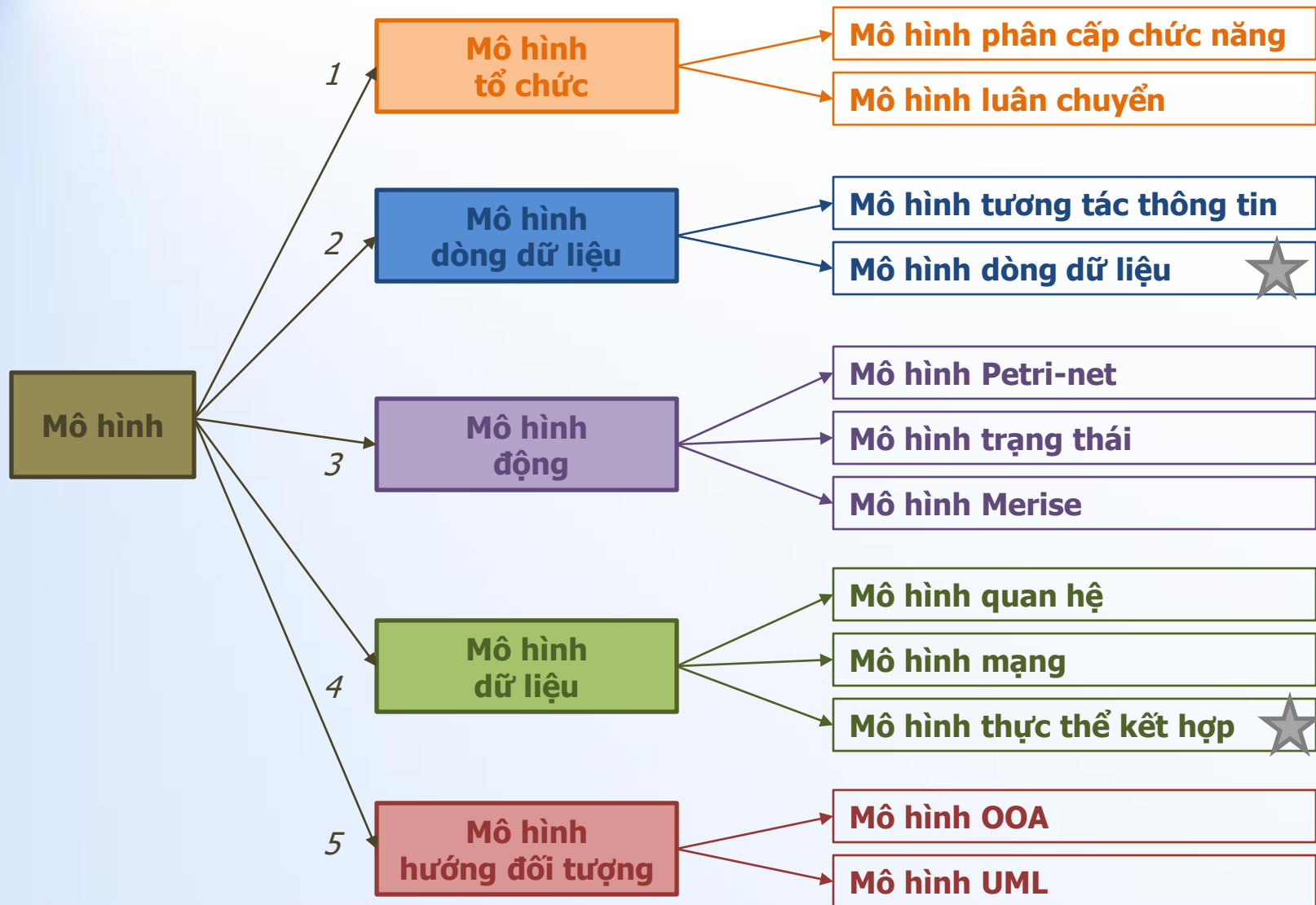
◆ Đối tượng: gom nhóm cấu trúc dữ liệu và xử lý



Nội dung chi tiết

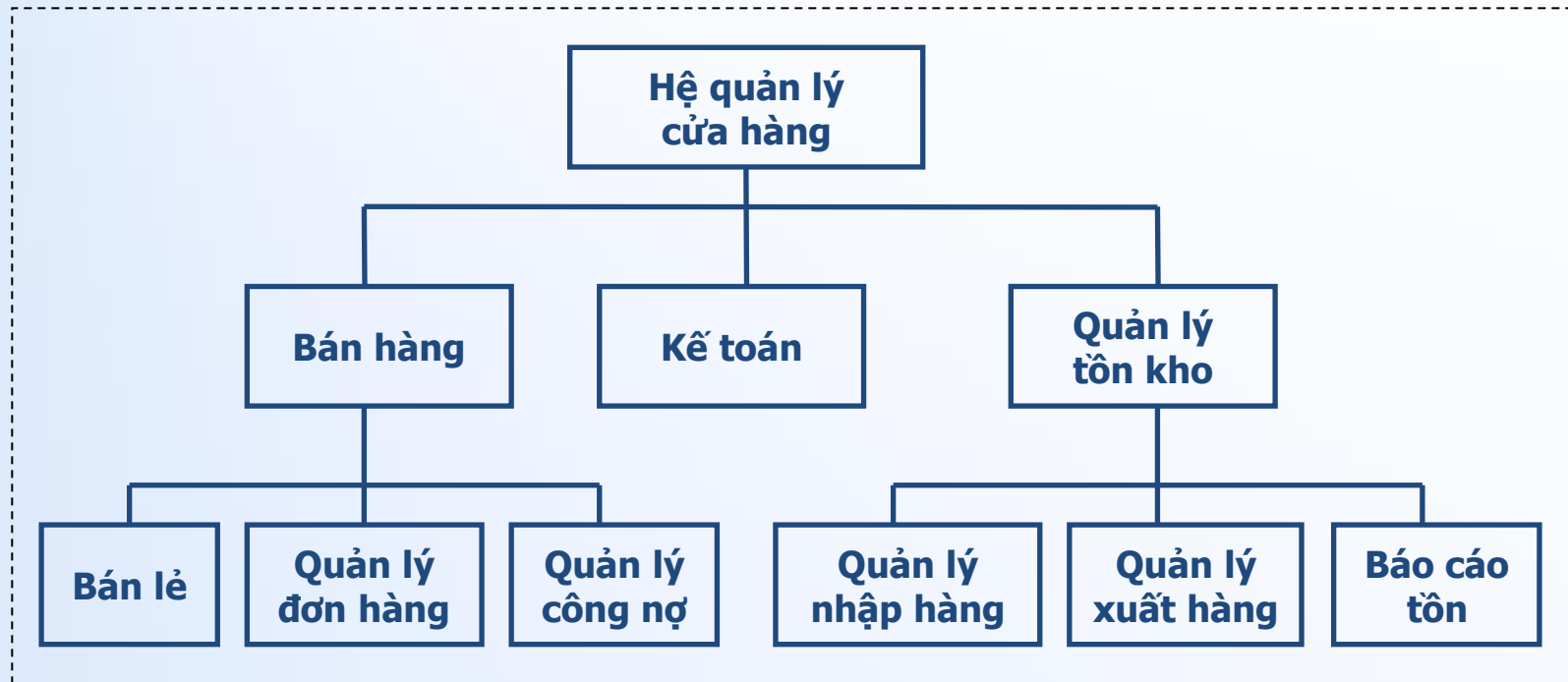
- Mô hình (Model)
- Mô hình hóa (Modelling)
- Phương pháp mô hình hóa (Method)
- Lịch sử các phương pháp mô hình hóa
- Một số mô hình tiêu biểu

Một số mô hình tiêu biểu



Mô hình phân cấp chức năng

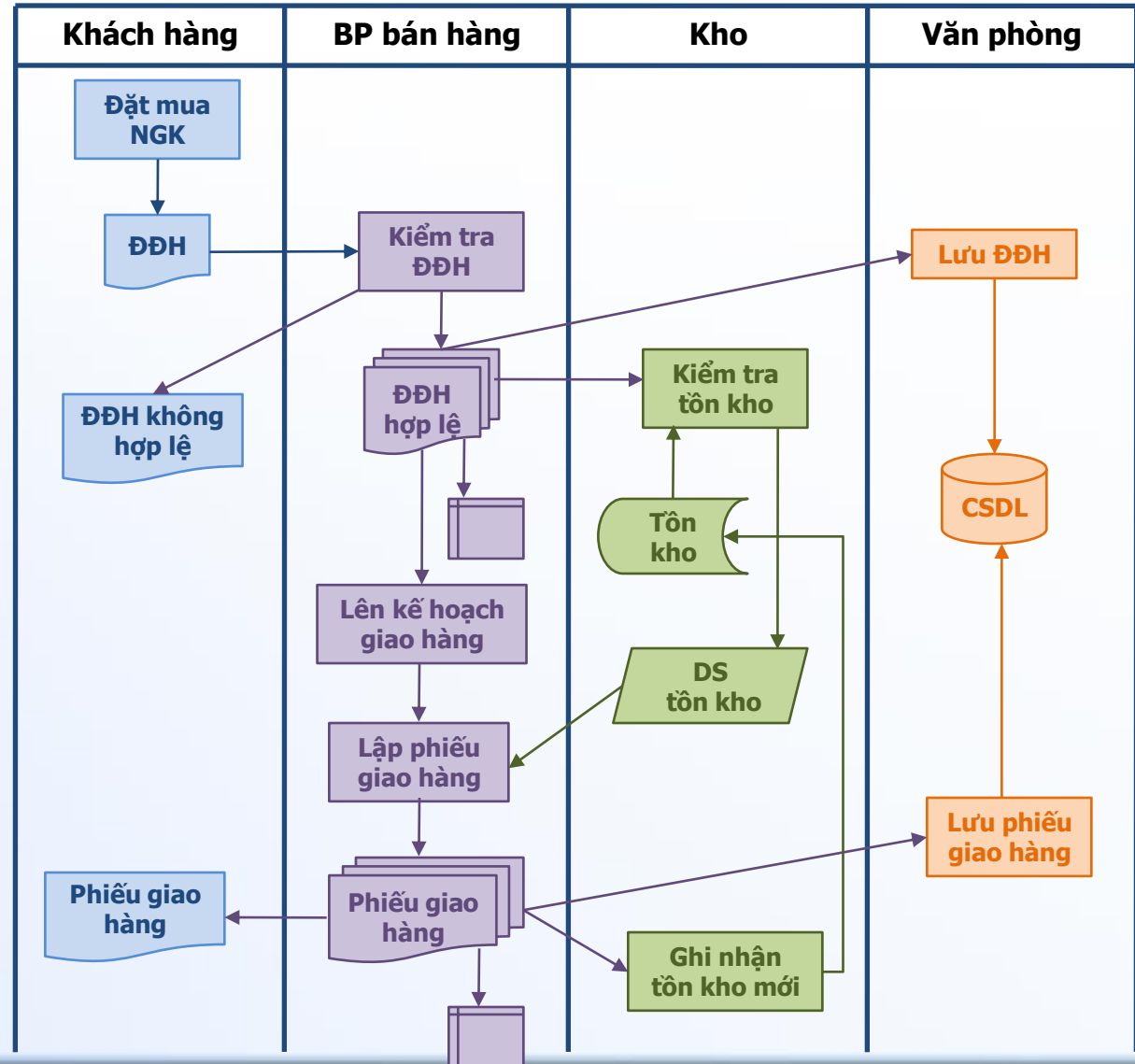
- Phân rã 1 chức năng tổng hợp thành các chức năng chi tiết



Mô hình luân chuyển

- Diễn tả quá trình luân chuyển thông tin qua các không gian

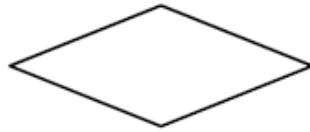
Tích hợp dữ liệu, xử lý, tổ chức
Không thích hợp xử lý giao tác



Mô hình luân chuyển



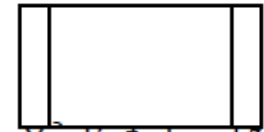
Xử lý thông tin



Điều kiện



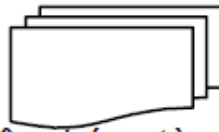
Dữ liệu



Xử lý định nghĩa
trước



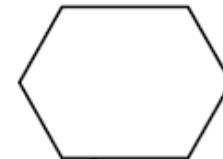
Chứng từ (giấy)



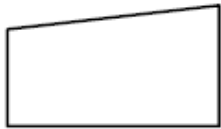
Tập chứng từ
(giấy)



Đầu cuối



Chuẩn bị



Nhập liệu



Thao tác thủ
công



Phiếu (thẻ)



Dữ liệu lưu trữ



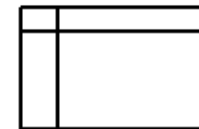
Màn hình



Thiết bị lưu trữ
(đĩa từ)



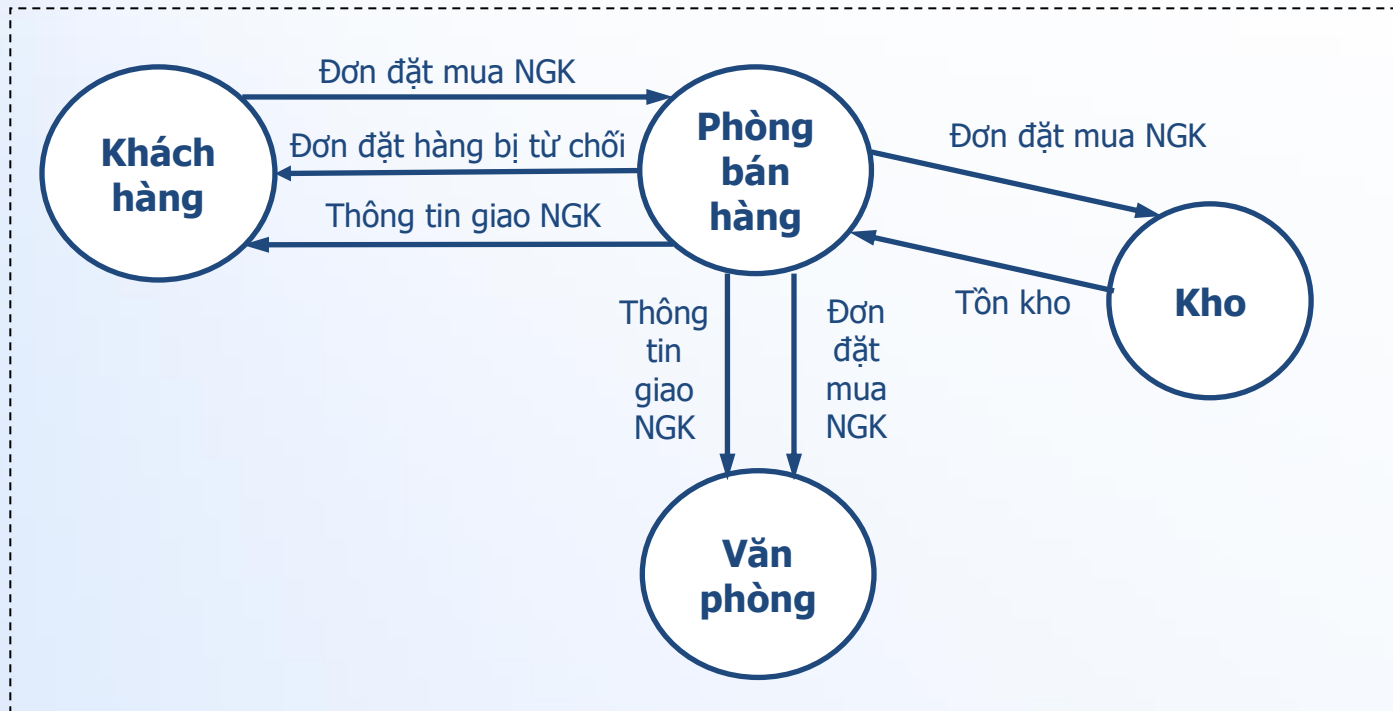
Thiết bị lưu trữ tuần
tự (băng từ)



Lưu trữ nội (tại
chỗ)

Mô hình tương tác thông tin

■ Diễn tả dòng dữ liệu giữa các tác nhân



Diễn tả rõ việc truyền thông

Không mô tả xử lý



Tác nhân



Dòng dữ liệu, thông tin

Mô hình dòng dữ liệu

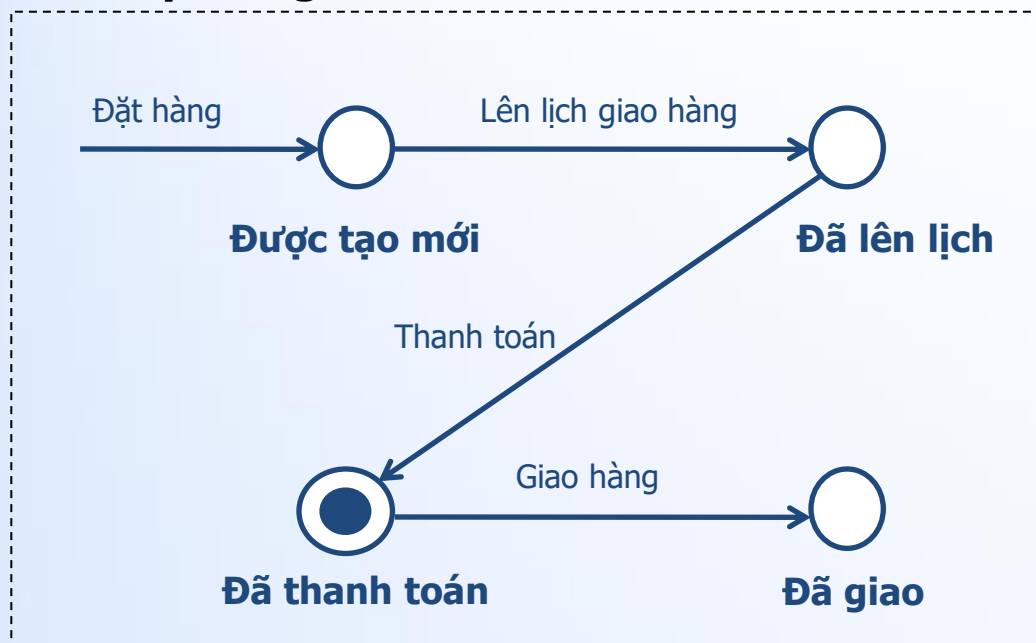
■ Diễn tả dòng dữ liệu giữa các xử lý



Mô hình Petri-net

■ Diễn tả biến cố và sự đồng bộ của biến cố

Đơn đặt hàng



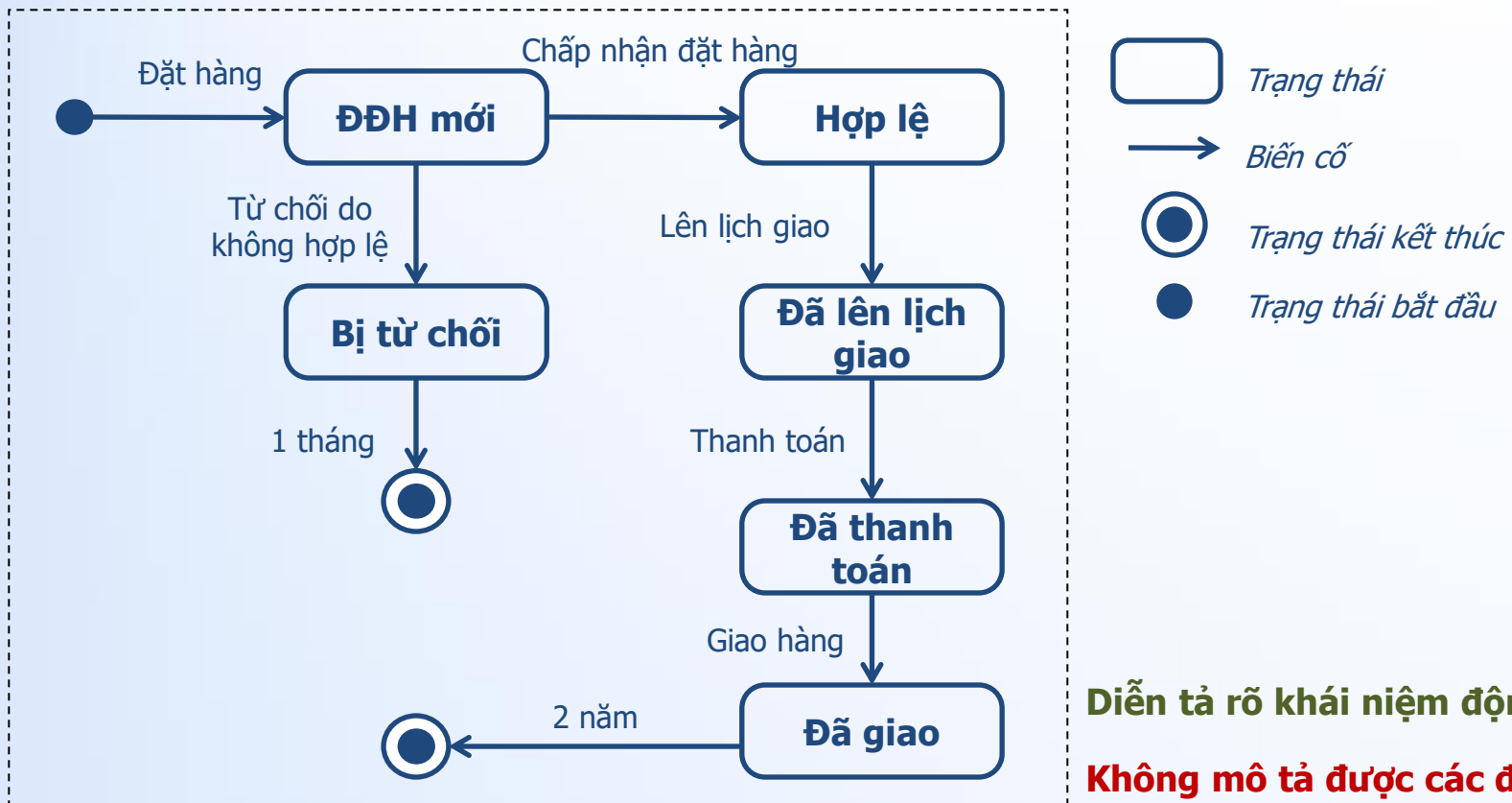
Diễn tả rõ khái niệm động

Không mô tả được các đối tượng

Mô hình trạng thái

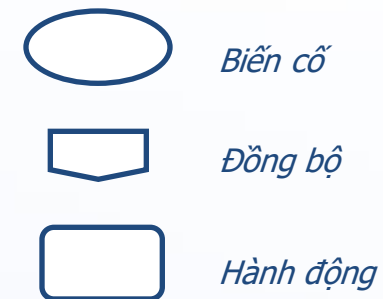
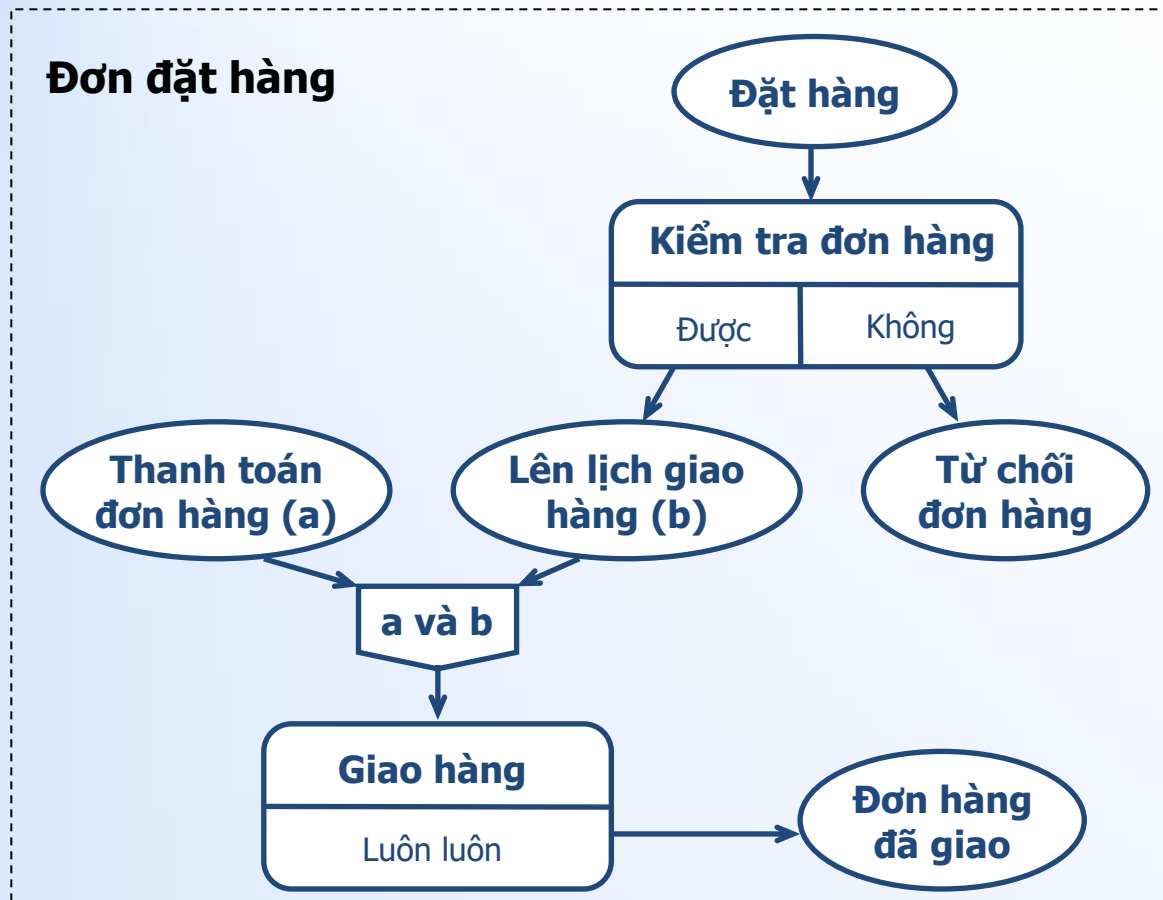
■ Diễn tả biến cố và sự đồng bộ của biến cố

Đơn đặt hàng



Mô hình Merise

■ Diễn tả các quan niệm xử lý



Diễn tả tại sao

Phân chia dữ liệu và xử lý

Mô hình quan hệ

■ Diễn tả quan niệm dữ liệu



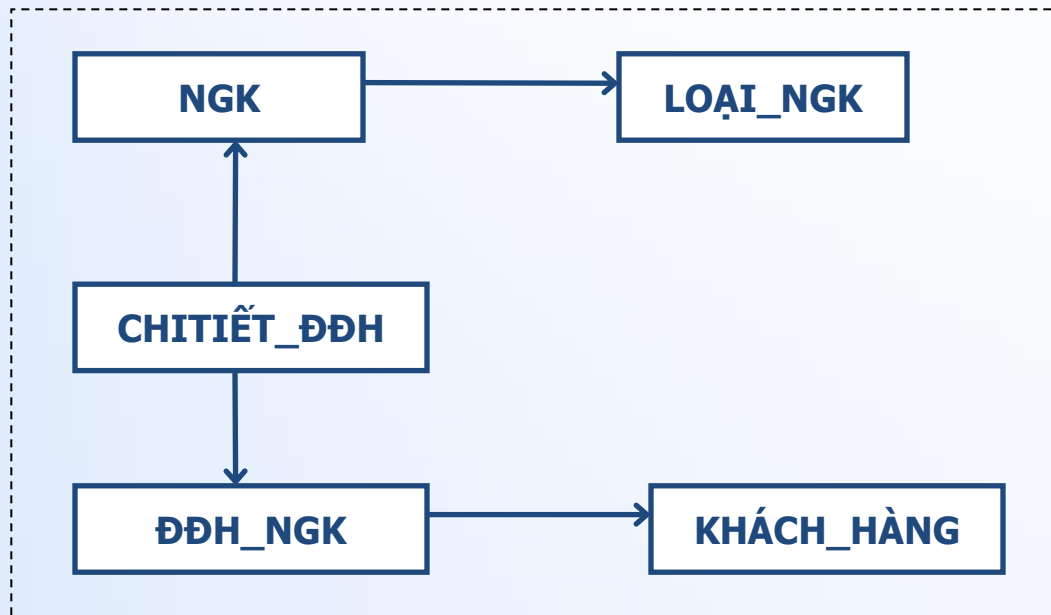
Quan hệ

Khóa chính

Khóa ngoại

Mô hình mạng

■ Diễn tả quan niệm dữ liệu

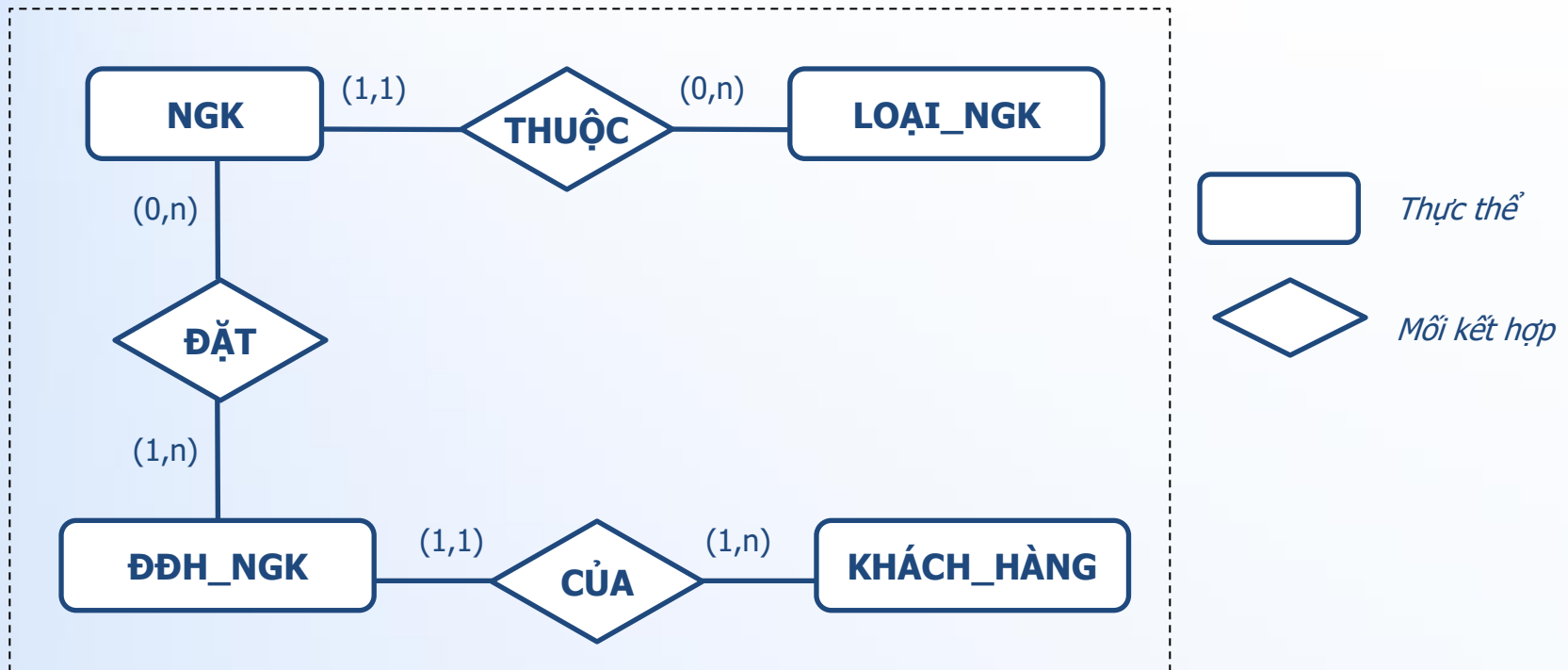


Chỉ có 1 loại mỗi kết hợp

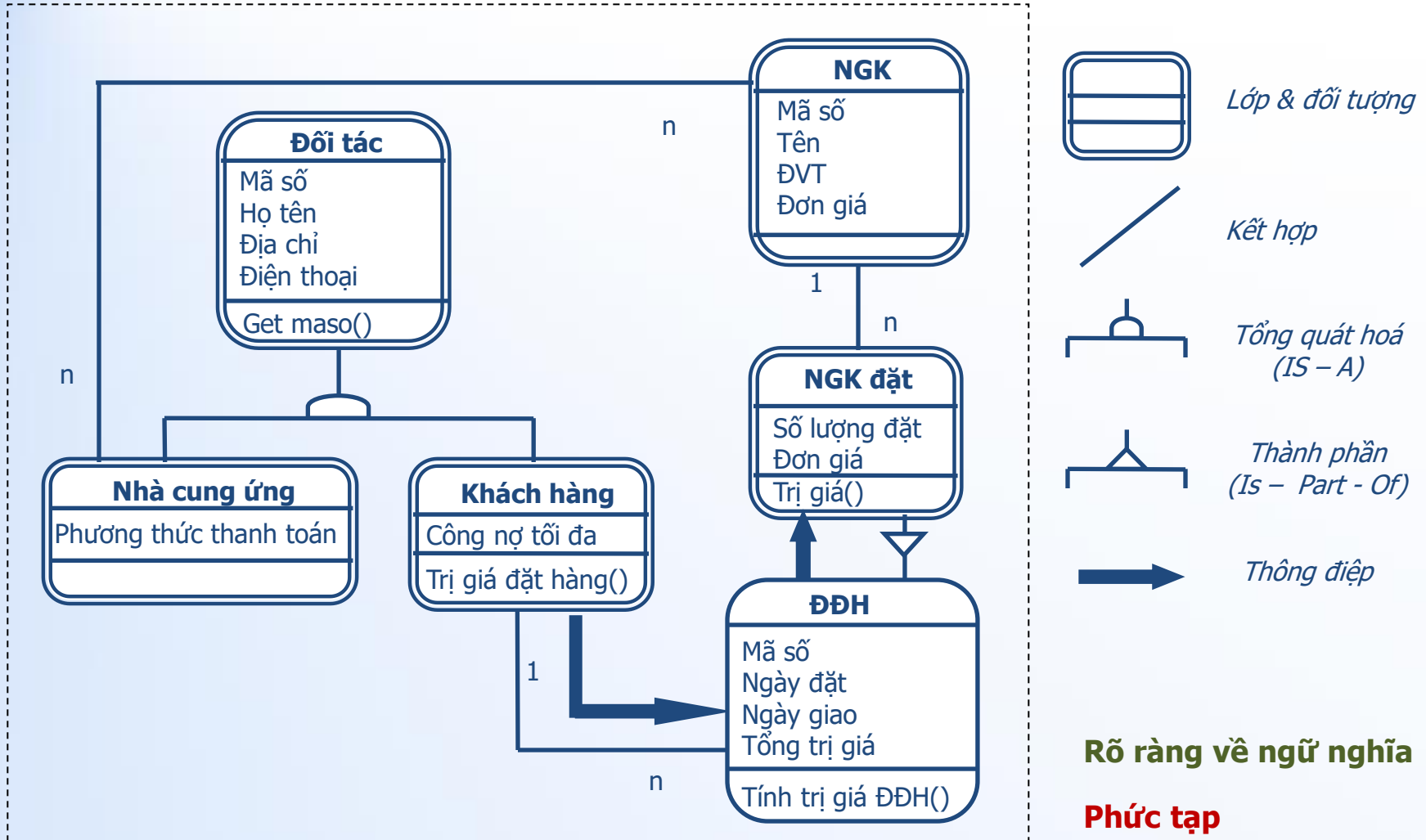
Không có liên kết dạng n-p

Mô hình thực thể - kết hợp

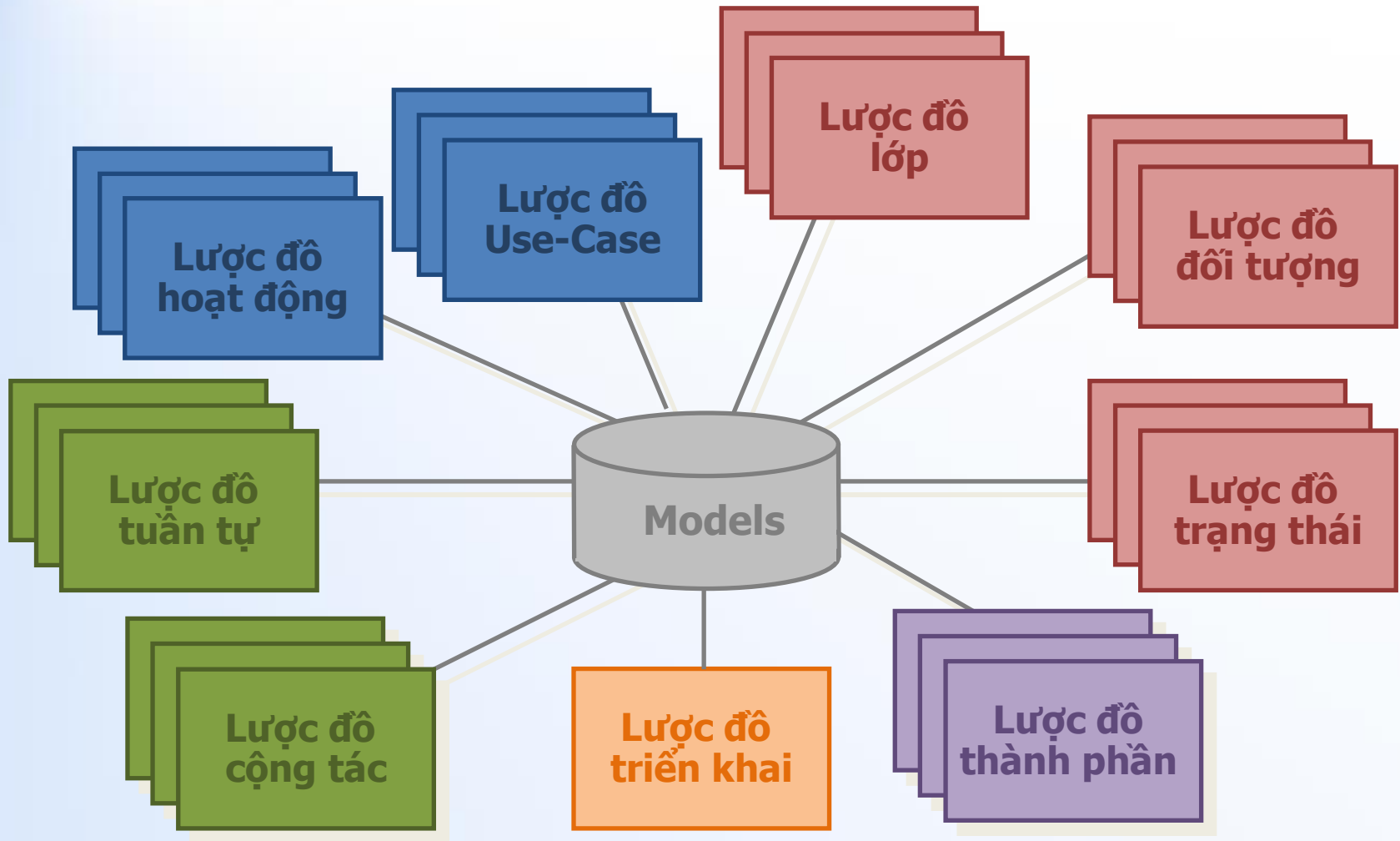
■ Diễn tả dữ liệu ở mức trừu tượng



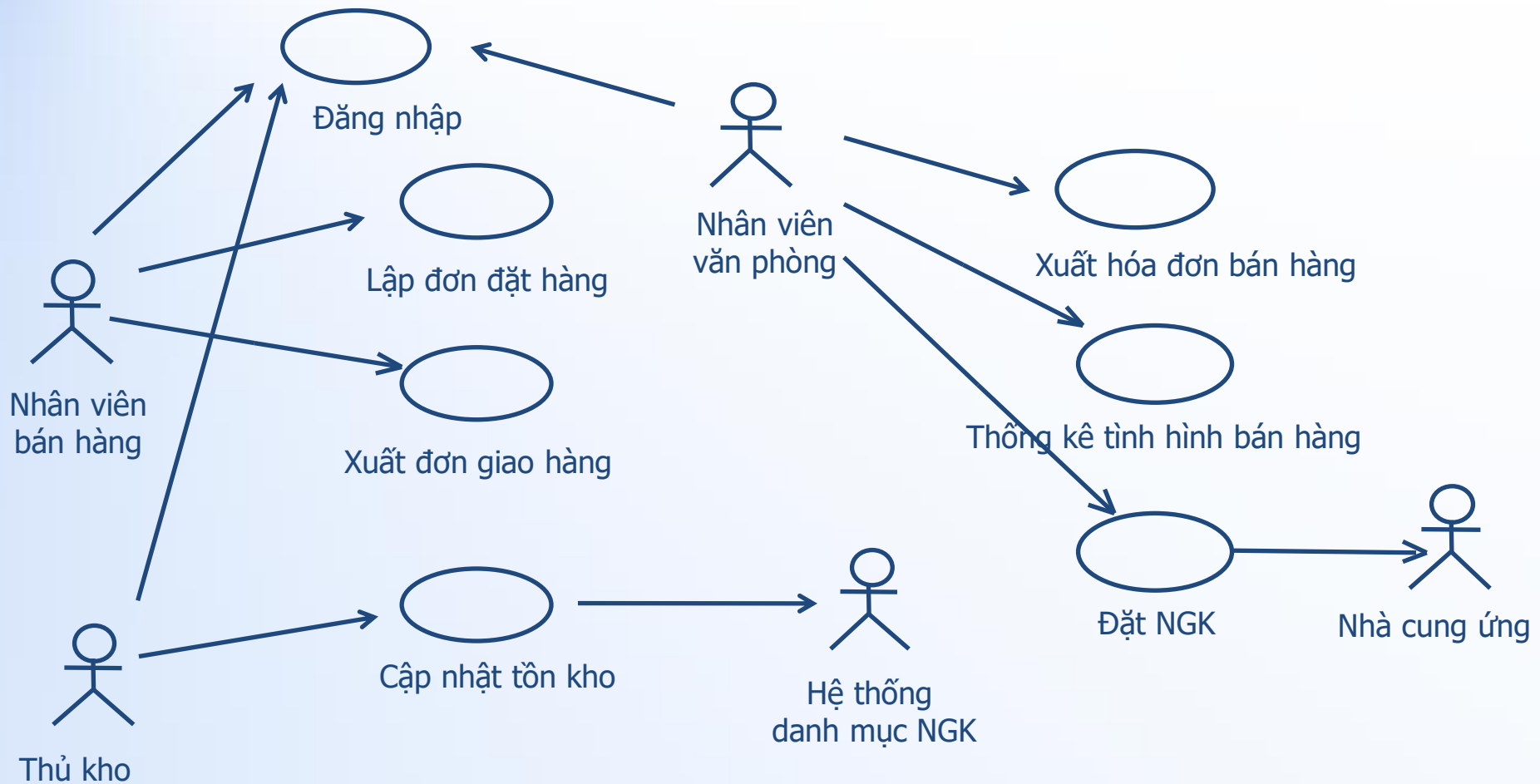
Mô hình đối tượng OOA



Mô hình đối tượng UML



Lược đồ Use-Case



Lược đồ tuần tự

